TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-02-2018
V/v L hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tiến Mãn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo

Bà Trương Thị Dung

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Trong các ngày 08 và 13 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2017/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về việc "L hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hoàng L - Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn 5, thị trấn P, huyện Y, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Vũ Văn M - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị L, anh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị Hoàng L trình bày:

Chị kết hôn với anh Vũ Văn M vào ngày 31/7/2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P huyện Y tỉnh B. Vợ chồng chung sống đến tháng 01/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M hay chơi cờ bạc, không chịu làm ăn và

quan tâm đến vợ con. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không thay đổi. Anh chị đã L thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 3/2017 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được L hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 01 con chung là cháu Vũ Nhật Q - Sinh ngày 28/11/2015. Sau L hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không có, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh M nhưng anh M vẫn cố tình vắng mặt. Bản tự khai bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của anh M trình bày: Gia đình bà và anh M đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh M nhưng vì công việc nên anh M không lên Tòa án để làm việc được. Bà T cho biết, anh M và chị L kết hôn năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P huyện Y tỉnh Y. Sau khi kết hôn một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M ham chơi, không tu chí làm ăn. Chị L và anh M có 01 con chung là cháu Vũ Nhật Q - Sinh ngày 28/11/2015, hiện nay cháu đang ở với mẹ. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác, chị L và anh M không có gì. Quan điểm của bà T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh M có lời khai nhất trí với chị L về thời gian, địa điểm kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Sau khi biết được chi L làm đơn xin L hôn, anh M đã cố gắng thay đổi và mong chị L suy nghĩ lại, cho anh cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung, anh và chị L có một con chung như chị L trình bầy là đúng. Nếu phải L hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân; anh M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh M không có mặt. Do anh M vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Lê Thị Hoàng L và anh Vũ Văn M được xác lập vào ngày 31/7/2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P huyện Y tỉnh B là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh M ham chơi, không chịu khó làm ăn. Anh chị đã L thân từ tháng 3/2017 đến nay. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh M với mong muốn báo anh M đến Tòa án làm việc, tiến hành hòa giải để anh chị trở về đoàn tụ nhưng anh M cố tình vắng mặt. Anh M không có ý thức hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin L hôn của chị L, xử cho anh chị L hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị L và anh M đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau L hôn. Xét yêu cầu của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Vũ Nhật Q hiện đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng hơn nữa cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L và anh M có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị L, anh M không đề nghị Tòa án quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị Hoàng L phải chịu án phí L hôn theo quy định của Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử L hôn giữa chị Lê Thị Hoàng L và anh Vũ Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Nhật Q - Sinh ngày 28/11/2015 cho chị Lê Thị Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi L hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị L và anh M không đề nghị Tòa án quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm L hôn: Chị Lê Thị Hoàng L phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ chị đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BB/2012/08430, ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị L đã nộp đủ án phí L hôn sơ thẩm.

Chị L, anh M được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Tiến Mãn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn P, huyện Y, tỉnh B;
- Lưu: HS, VP.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Tiến Mãn